

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 ngày 12 năm 2017

Tháng 01 năm 2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vi-Na-Si-No (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch
Ông Feng Zhi Hong	Phó Chủ tịch
Ông You Feng	Thành viên
Ông Sun Wei Bin	Thành viên
Ông Trần Ngọc Thạch	Thành viên
Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bùi Liêu	Thành viên
Ông Hồ Minh Quang	Thành viên
Bà Dương Thị Phương Mai	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng ban
Ông Ngô Thành Thuận	Thành viên
Ông Huang Wei Qun	Phó trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Sun Wei Bin	Tổng Giám đốc
Ông Tô Công Thanh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Phương Mai	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời kỳ tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

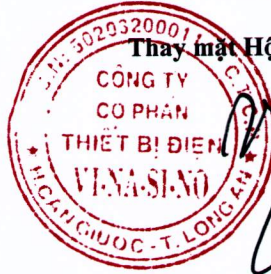
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.



Thay mặt Hội đồng quản trị *[Signature]*

Hồ Quang Ái
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 25 tháng 01 năm 2018

Số: 442/2017/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Vi-Na-Si-No

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vi-Na-Si-No (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2018, từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vi-Na-Si-No tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Đình Huyền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán số
1756-2018-042-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Phạm Thị Quỳnh Dung

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán số
2846-2014-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**MẪU B 01-DN**
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. Tài sản ngắn hạn	100		217.320.474.102	272.812.394.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	01	12.030.825.217	30.185.722.398
1. Tiền	111		2.030.825.217	5.185.722.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.662.467.608	41.854.419.926
1. Phải thu khách hàng	131	02	13.866.654.215	38.596.385.815
2. Trả trước cho người bán	132		88.400.000	660.420.884
3. Các khoản phải thu khác	136	03	1.707.413.393	2.597.613.227
IV. Hàng tồn kho	140	04	181.651.922.884	193.975.685.646
1. Hàng tồn kho	141		205.890.137.110	199.547.616.107
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.238.214.226)	(5.571.930.461)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.975.258.393	6.796.566.264
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	07	276.025.338	434.021.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	09	1.462.284.442	5.901.922.963
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	09	6.236.948.613	460.622.028
B. Tài sản dài hạn	200		84.944.803.922	87.415.399.849
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		55.323.358.558	56.763.212.488
1. TSCĐ hữu hình	221	05	55.323.358.558	56.763.212.488
- Nguyên giá	222		73.449.556.354	70.059.916.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.126.197.796)	(13.296.704.366)
2. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	06	32.024.160	32.024.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.024.160)	(32.024.160)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		544.500.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		544.500.000	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.076.945.364	30.652.187.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	07	29.076.945.364	30.652.187.361
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		302.265.278.024	360.227.794.083

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN**Đơn vị: VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. Nợ phải trả	300		162.154.612.702	175.751.780.778
I. Nợ ngắn hạn	310		157.333.000.971	169.548.721.479
1. Phải trả cho người bán	311	08	118.499.750.433	139.369.236.994
2. Người mua trả tiền trước	312		142.955.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	09	-	7.767.732
4. Phải trả công nhân viên	314	10	3.658.521.732	18.703.600.476
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	31.750.149.109	449.212.435
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12	1.695.236.864	5.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	1.586.387.833	6.018.903.842
II. Nợ dài hạn	330		4.821.611.731	6.203.059.299
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	14	4.821.611.731	6.203.059.299
B. Vốn chủ sở hữu	400		140.110.665.322	184.476.013.305
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	140.110.665.322	184.476.013.305
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.500.000.000	115.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.177.016.253	5.945.158.454
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		811.233.000	811.233.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		8.622.416.069	62.219.621.851
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.155.323.304	673.903.190
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		467.092.765	61.545.718.661
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		302.265.278.024	360.227.794.083


Trần Minh Đức

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

**Sun Wei Bin**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		235.580.351.473	731.313.775.864
2. Các khoản giảm trừ	02		37.500.000	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	235.542.851.473	731.313.775.864
4. Giá vốn hàng bán	11	17	203.609.154.113	618.689.606.001
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.933.697.360	112.624.169.863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.147.448.905	10.839.790.808
7. Chi phí tài chính	22	19	8.071.393.867	2.029.907.874
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	20	6.811.274.225	20.834.726.426
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	19.227.428.101	31.035.947.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		971.050.072	69.563.378.888
11. Thu nhập khác	31		3.637.564	52.789.044
12. Chi phí khác	32		100.197.097	44.899.262
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40	22	(96.559.533)	7.889.782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		874.490.539	69.571.268.670
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	23	407.397.774	8.025.550.009
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		467.092.765	61.545.718.661
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	40	4.147
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	40	4.147


Trần Minh Đức

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

**Sun Wei Bin**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017**MẪU B 03-DN****Đơn vị: VNĐ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	874.490.539	69.571.268.670
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	2	4.041.991.162	3.775.172.004
Các khoản dự phòng	3	18.666.283.765	136.569.562
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	6.644.131.413	(4.928.138.158)
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(1.049.087.883)	(365.000.855)
2. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	29.177.808.996	68.189.871.223
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	30.426.835.438	(34.411.340.773)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.342.521.003)	(53.878.402.023)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(46.643.431.451)	74.584.416.590
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.733.237.932	531.957.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.571.571.184)	(8.215.830.421)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(18.079.956.757)	(739.096.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.299.598.029)	46.061.575.566
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(3.934.139.500)	(19.241.200.849)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.049.087.883	365.000.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.885.051.617)	(18.876.199.994)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.550.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(11.550.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(18.184.649.646)	15.635.375.572
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.185.722.398	14.548.147.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	29.752.465	2.199.113
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.030.825.217	30.185.722.398


Trần Minh Đức

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

**Sun Wei Bin**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vi-Na-Si-No là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 1100883174, đăng ký lần đầu ngày 15/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và theo Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000114 ngày 23/12/2008 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Long An (nay là Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Long An) cấp, sau đó được cấp lại bằng Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000114 ngày 27/10/2009 thay cho Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000112 và thay đổi đến lần thứ 06 ngày 16/6/2015.

Cổ đông tại ngày 31/12/2017 của Công ty bao gồm:

Bên nước ngoài:

- Công ty TNHH Đầu tư Điện lực Triết Giang (Trung Quốc), trụ sở chính đặt tại số 109 Lộ Trung Sơn Bắc, thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc.

Bên Việt Nam:

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam-TNHH(*trước đây là Công ty Điện lực 2*), trụ sở chính đặt tại 72 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở chính đặt tại 62 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các cổ đông khác.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115.500.000.000 VNĐ

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 151 người.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô H.08, đường số 1, Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất: Biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện, mô tơ, máy phát, dây cáp, sợi cáp quang học, dây cáp điện và điện tử khác, thiết bị dây điện các loại, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác, các cấu kiện kim loại, sản phẩm khác từ cao su, sản phẩm khác từ plastic, thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng, điều khiển, đồng hồ, linh kiện điện tử, sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và dụng cụ quang học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây cáp điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Sửa chữa thiết bị điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây cáp điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng, hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất – Thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Ngoại tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và trích khấu hao

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình/vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Số năm trích khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	40 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Phần mềm kế toán	05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản trả trước ngắn và dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích dao động từ 01 – 03 năm.

9. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo đúng quy định. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26% cho 5 tháng đầu năm 2017 và tỷ lệ 25,5% cho 7 tháng cuối năm 2017; 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% cho 5 tháng đầu năm 2017 và tỷ lệ 21,5% cho 7 tháng cuối năm 2017 sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và tỷ lệ 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

14. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động và bằng mức thuế suất phổ thông trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ ba công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau khi kết thúc 3 năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với phần đầu tư mở rộng quy mô sản xuất: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20%; doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo nếu hoạt động đầu tư mở rộng được thực hiện từ năm 2014 và đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản 05, điều 16, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc Doanh nghiệp lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại thì dự án đầu tư mở rộng đó phải thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP đồng thời cũng thuộc lĩnh vực, địa bàn với dự án đang hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

IV. THUYẾT MINH BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền mặt	148.704.639	925.313.713
Tiền gửi ngân hàng	1.882.120.578	4.260.408.685
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	12.030.825.217	30.185.722.398

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ Phần Phát Triển Công Nghệ EDH	13.500.000.000	38.488.584.000
Phải thu khách hàng khác	276.267.600	17.415.200
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	90.386.615	90.386.615
Cộng	13.866.654.215	38.596.385.815

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
Phải thu khác ngắn hạn	1.707.413.393		2.597.613.227	
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	34.375.000	-
Phải thu liên quan đến gia công, sửa chữa và bảo hành	1.308.724.012		2.173.669.096	-
Phải thu khác	7.058.833		6.619.131	-
Khoản tạm ứng nhân viên	257.350.000		342.700.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	134.280.548		40.250.000	-
Phải thu khác dài hạn	-		-	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	-		-	-
Cộng	1.707.413.393	-	2.597.613.227	-

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	31.930.523.832	(9.465.104.282)	75.353.574.827	(3.335.022.021)
Công cụ dụng cụ	755.596.701	(3.620.875)	780.694.632	-
Chi phí sản xuất dở dang	14.862.701.366	-	28.545.438.961	-
Thành phẩm	146.927.485.136	(14.769.489.069)	82.925.569.163	(1.050.231.594)
Hàng hóa	11.413.830.075	-	11.942.338.524	(1.186.676.846)
Cộng	205.890.137.110	(24.238.214.226)	199.547.616.107	(5.571.930.461)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	(5.571.930.461)	(5.435.360.899)
Trích lập dự phòng	(18.666.283.765)	(136.569.562)
Hoàn nhập	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	(24.238.214.226)	(5.571.930.461)

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Trong đó, dự phòng cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất với số tiền là 9.627.091.454 đồng và dự phòng cho hàng tồn kho có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện với số tiền là 14.611.122.772 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	TSCĐ Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	33.390.075.338	29.760.641.441	1.825.632.148	1.779.335.233	3.304.232.694	70.059.916.854
Tăng trong năm	-	3.389.639.500	-	-	-	3.389.639.500
- Mua sắm mới	-	3.389.639.500	-	-	-	3.389.639.500
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	33.390.075.338	33.150.280.941	1.825.632.148	1.779.335.233	3.304.232.694	73.449.556.354
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	4.101.516.919	5.884.701.292	1.203.466.589	774.582.863	1.332.436.703	13.296.704.366
Tăng trong năm	881.732.772	3.148.990.214	130.298.220	174.329.430	494.142.794	4.829.493.430
- Trích khấu hao	881.732.772	3.148.990.214	130.298.220	174.329.430	494.142.794	4.829.493.430
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	4.983.249.691	9.033.691.506	1.333.764.809	948.912.293	1.826.579.497	18.126.197.796
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	<u>29.288.558.419</u>	<u>23.875.940.149</u>	<u>622.165.559</u>	<u>1.004.752.370</u>	<u>1.971.795.991</u>	<u>56.763.212.488</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>28.406.825.647</u>	<u>24.116.589.435</u>	<u>491.867.339</u>	<u>830.422.940</u>	<u>1.477.653.197</u>	<u>55.323.358.558</u>

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	32.024.160	-	32.024.160
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	32.024.160	-	32.024.160
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	32.024.160	-	32.024.160
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	32.024.160	-	32.024.160
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	276.025.338	434.021.273
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	266.809.338	417.312.607
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.216.000	16.708.666
Chi phí trả trước dài hạn	29.076.945.364	30.652.187.361
- Tiền thuê đất trả trước (*)	28.750.003.470	29.477.851.662
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	326.941.894	1.174.335.699
Cộng	29.352.970.702	31.086.208.634

(*) Tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê lại đất số 001/2009/HĐTĐ-LHC-MAR ngày 12/02/2009, diện tích thuê 20.770 m² đất tại Lô H.08 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện cần Giuộc, tỉnh Long An, thời hạn thuê đến ngày 17/6/2057. Tổng giá trị tiền thuê (chưa bao gồm thuế VAT) là 1,869,300.00 USD.

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Zhuhai Yujian Science & Technology Co., Ltd. (*)	118.204.701.206	132.772.434.357
- Các nhà cung cấp khác	295.049.227	6.596.802.637
Cộng	118.499.750.433	139.369.236.994

(*) Gốc ngoại tệ là 33.676.553,05 CNY tương đương với 118.204.701.206 VND.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư năm trước chuyển sang		Phải nộp trong năm	Đã nộp/khấu trừ trong năm	Số dư chuyển năm sau	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VNĐ	VNĐ			VNĐ	VNĐ
Thuê GTGT nội địa	5.901.922.963	-	23.567.830.632	28.007.469.153	1.462.284.442	-
Thuê GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.925.444.763	10.925.444.763	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	19.331.009	19.331.009	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	460.622.028	-	407.397.774	5.571.571.184	5.624.795.438	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.767.732	4.645.232.869	5.265.153.776	612.153.175	-
Các loại thuế và phí khác	-	-	55.194.298	55.194.298	-	-
Cộng	6.362.544.991	7.767.732	39.620.431.345	49.844.164.183	7.699.233.055	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. PHẢI TRẢ CÔNG NHÂN VIÊN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương phải trả cho công nhân viên	3.630.097.678	18.703.600.476
Lương phải trả cho lao động thời vụ	28.424.054	-
Cộng	<u>3.658.521.732</u>	<u>18.703.600.476</u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Thù lao HĐQT, BKS phải trả	434.400.000	290.400.000
- Kinh phí công đoàn	61.987.318	78.152.535
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp phải nộp	-	-
- Cổ tức phải trả	31.185.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	53.761.791	80.659.900
Cộng	<u>31.750.149.109</u>	<u>449.212.435</u>

12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm	<u>1.695.236.864</u>	<u>5.000.000.000</u>

13. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	6.018.903.842	1.691.134.066
Trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế	13.647.440.748	5.066.866.626
Chi quỹ trong năm	(18.079.956.757)	(739.096.850)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.586.387.833</u>	<u>6.018.903.842</u>

14. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	6.203.059.299	1.936.000.000
Trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ ("Quỹ PTKHCN")	-	6.500.000.000
Hoàn nhập trong năm	-	(1.936.000.000)
Hao mòn TSCĐ mua sắm bằng Quỹ PTKHCN	(787.502.268)	(45.436.448)
Chi quỹ trong năm	(593.945.300)	(251.504.253)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>4.821.611.731</u>	<u>6.203.059.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	115.500.000.000	1.622.466.000	811.233.000	21.613.462.270	139.547.161.270
Lãi trong năm	-	-	-	61.545.718.661	61.545.718.661
Trích quỹ	-	4.322.692.454	-	(9.389.559.080)	(5.066.866.626)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.550.000.000)	(11.550.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	115.500.000.000	5.945.158.454	811.233.000	62.219.621.851	184.476.013.305
Lãi trong năm	-	-	-	467.092.765	467.092.765
Trích quỹ	-	9.231.857.799	-	(22.879.298.547)	(13.647.440.748)
Chia cổ tức	-	-	-	(31.185.000.000)	(31.185.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	115.500.000.000	15.177.016.253	811.233.000	8.622.416.069	140.110.665.322

15.2 Vốn góp của cổ đông

Danh sách cổ đông	Tại ngày 01/01/2017		Tại ngày 31/12/2017	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực thành phố Hồ Chí Minh	693.000	6.930.000.000	693.000	6.930.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Điện lực Triết Giang	4.504.500	45.045.000.000	4.504.500	45.045.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam-TNHH	5.775.000	57.750.000.000	4.849.000	48.490.000.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	577.500	5.775.000.000	-	-
Đàm Anh Dũng	-	-	1.500.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	-	-	3.500	35.000.000
Cộng	11.550.000	115.500.000.000	11.550.000	115.500.000.000

15.3 Tình hình phân phối lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	62.219.621.851	21.613.462.270
Lợi nhuận sau thuế	467.092.765	61.545.718.661
Lợi nhuận còn lại phân phối	62.686.714.616	83.159.180.931
Trích lập các quỹ		
- Quỹ đầu tư phát triển	(9.231.857.799)	(4.322.692.454)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(13.647.440.748)	(5.066.866.626)
- Chi trả cổ tức cho cổ đông	(31.185.000.000)	(11.550.000.000)
Lợi nhuận còn lại chuyển sang kỳ sau	8.622.416.069	62.219.621.851

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15.4 Cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.550.000	11.550.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Doanh thu từ bán thành phẩm và hàng hóa	235.072.351.547	731.158.671.228
Doanh thu cung cấp dịch vụ	507.999.926	155.104.636
Cộng	235.580.351.473	731.313.775.864
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	37.500.000	-
Cộng doanh thu thuần	235.542.851.473	731.313.775.864

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	184.851.473.803	618.553.036.439
Giá vốn cung cấp dịch vụ	91.396.545	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18.666.283.765	136.569.562
Cộng	203.609.154.113	618.689.606.001

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.049.087.883	365.000.855
Lãi từ chênh lệch tỷ giá thanh toán	751.206.711	3.589.297.644
Lãi từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.347.154.311	6.885.492.309
Cộng	3.147.448.905	10.839.790.808

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	80.108.143	72.553.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.991.285.724	1.957.354.151
Cộng	8.071.393.867	2.029.907.874

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	4.430.723.546	5.590.208.456
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	85.796.284	171.206.102
Chi phí bảo hành	57.447.933	93.530.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.401.484	4.279.196.028
Chi phí bằng tiền khác	1.720.904.978	10.700.585.474
Cộng	<u>6.811.274.225</u>	<u>20.834.726.426</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	10.257.630.065	11.066.682.461
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	730.514.174	993.139.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	771.090.140	848.660.774
Tiền thuê đất	690.842.531	687.478.380
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	6.500.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.959.943.029	4.666.811.267
Chi phí bằng tiền khác	3.814.408.162	6.270.175.547
Cộng	<u>19.227.428.101</u>	<u>31.035.947.483</u>

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản thu nhập khác	3.637.564	52.789.044
Cộng	<u>3.637.564</u>	<u>52.789.044</u>
Các khoản chi phí khác	100.197.097	44.899.262
Cộng	<u>100.197.097</u>	<u>44.899.262</u>
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	<u>(96.559.533)</u>	<u>7.889.782</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	874.490.539	69.571.268.670
Các khoản chi không được khấu trừ	1.133.688.063	2.346.482.148
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	22.145.154	47.557.467
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	(51.897.619)	(62.663.117)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	1.978.426.137	71.902.645.168
Trong đó:		
+ Lợi nhuận chịu thuế được ưu đãi	-	50.839.832.196
+ Lợi nhuận chịu thuế không được ưu đãi	1.978.426.137	21.062.812.972
Tỷ lệ thuế suất (đầu tư được ưu đãi)	15%	15%
Tỷ lệ thuế suất (đầu tư không được ưu đãi)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh (được ưu đãi)	-	7.625.974.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh (không được ưu đãi)	395.685.227	4.212.562.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(3.812.987.415)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	395.685.227	8.025.550.009
Thuế TNDN bổ sung kỳ trước	11.712.547	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	407.397.774	8.025.550.009

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**24.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	467.092.765	61.545.718.661
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	(13.647.440.748)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(13.647.440.748)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	467.092.765	47.898.277.913
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.550.000	11.550.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	40	4.147

24.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	467.092.765	47.898.277.913
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	467.092.765	47.898.277.913
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.550.000	11.550.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	40	4.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18.

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.030.825.217	30.185.722.398
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.574.067.608	41.193.999.042
Đầu tư ngắn và dài hạn	-	-
Tổng cộng	<u>27.604.892.825</u>	<u>71.379.721.440</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	150.392.854.542	139.818.449.429
Chi phí phải trả	-	-
Tổng cộng	<u>150.392.854.542</u>	<u>139.818.449.429</u>

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính “Thông tư 210”. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là CNY. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 năm - 05 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	150.392.854.542	-	150.392.854.542
Cộng	150.392.854.542	-	150.392.854.542
Tại ngày 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	139.818.449.429	-	139.818.449.429
Cộng	139.818.449.429	-	139.818.449.429
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.030.825.217	-	12.030.825.217
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.574.067.608	-	15.574.067.608
Cộng	27.604.892.825	-	27.604.892.825
Tại ngày 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.185.722.398	-	30.185.722.398
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.193.999.042	-	41.193.999.042
Cộng	71.379.721.440	-	71.379.721.440

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bán hàng	Mối liên quan	Năm 2017	Năm 2016
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Cổ đông sáng lập	-	130.200.000
Cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Cổ đông sáng lập	-	59.040.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có số dư công nợ với các bên liên quan như sau:

Nợ phải thu	Mối liên quan	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	Cổ đông sáng lập	90.386.615	90.386.615
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	Cổ đông sáng lập	-	7.040.000

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, mua bán các máy móc và thiết bị điện, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	200.338.253.091	615.001.954.329
Chi phí nhân công	14.688.353.611	16.656.890.917
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.041.991.162	3.775.172.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.167.187.044	10.834.173.269
Chi phí bằng tiền khác	6.412.071.531	24.292.089.391
Cộng	229.647.856.439	670.560.279.910

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 nhằm so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay, chi tiết như sau:

	Mã số	Năm 2016 (đã kiểm toán)	Năm 2016 (trình bày lại)	Tăng (giảm)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.152	4.147	(5)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.152	4.147	(5)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	73.845.319.740	74.584.416.590	739.096.850
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(739.096.850)	(739.096.850)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VI-NA-SI-NO

Lô H.08, đường số 1 Khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Trần Minh Đức
Kế toán trưởng
Ngày 25 tháng 01 năm 2018

